TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
HĐTC BỔ SUNG KIẾN THỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ ĐIỂM THI HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2024-2025
CÁC LỚP XÉT TUYỂN THẲNG NĂM 2024

LỚP: DB2429A1

STT	MÃ SỐ HS	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM THI				GHI CHÚ
						TOÁN	VĂN	ANH	TIN HỌC	
1	T2400013	ĐẶNG THỊ HỒNG	ANH	X	15/02/2006	8,0	8,0	6,5	8,0	
2	T2400043	TRỊNH THỊ NGỌC	ANH	X	19/08/2006	10,0	7,5	7,0	8,0	
3	T2400081	TRẦN THỊ KIM	CHI	X	08/07/2006	8,0	6,5	4,5	6,5	
4	T2400140	LÊ THÀNH	ĐẠT		13/08/2006	9,0	5,5	5,5	6,5	
5	T2400155	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG		19/01/2006	7,0	5,5	7,5	9,0	
6	T2400159	TRẦN HẢI	ĐĂNG		14/06/2006	10,0	8,5	8,5	8,0	
7	T2400167	TRƯƠNG THỊ HỒNG	ĐÍNH	X	30/04/2005	9,0	7,5	7,5	5,5	
8	T2400186	PHAN THỊ HẠNH	GIAO	X	24/01/2006	10,0	8,0	8,5	6,5	
9	T2400213	ĐẶNG LÂM THANH	HẠO		13/03/2006	9,5	6,5	5,5	8,0	
10	T2400229	HUỲNH THỊ KIM	HẬU	X	12/02/2006	9,0	6,5	5,0	7,5	
11	T2400325	NGUYỄN VIỆT	KHÁI		10/06/2006	9,5	7,5	9,5	7,5	
12	T2400329	ĐINH THANH	KHANG		02/05/2006	6,5	6,5	6,5	6,5	
13	T2400351	PHẠM VĂN	KHANH		10/04/2006	9,5	7,0	7,0	8,5	
14	T2400384	LÝ HỒNG	LAM		22/12/2006	10,0	7,5	7,5	6,0	
15	T2400418	PHẠM TRÚC	LINH	X	16/10/2006	9,5	7,0	7,5	7,5	
16	T2400443	BÙI KIM	LUYẾN	X	27/06/2006	8,5	8,0	9,5	5,0	
17	T2400444	HUỲNH TẤN	LỰC		30/05/2006	8,5	8,0	9,0	6,5	
18	T2400451	LÊ MINH	LÝ		07/05/2006	9,5	9,5	9,5	9,0	
19	T2400474	TRẦN THỊ	MUỘI	X	04/01/2006	10,0	7,5	7,5	9,0	
20	T2400486	CHAU KA RA	NA		10/07/2004	7,5	7,5	5,5	7,0	
21	T2400495	NGUYỄN VĂN	NO		09/12/2006	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
22	T2400516	TRẦN THỊ KIM	NGÂN	X	12/09/2006	9,5	6,5	7,5	7,0	
23	T2400598	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	X	04/01/2006	9,5	7,5	10,0	8,0	
24	T2400643	NGUYỄN TRUNG	NHỰT		29/09/2006	6,0	7,0	6,5	8,0	
25	T2400661	ĐẶNG NGUYỄN	PHÚ		16/12/2006	7,0	6,0	7,5	8,5	
26	T2400689	VÕ HỒNG HUY	QUANG		12/11/2006	9,5	8,5	6,0	5,0	
27	T2400738	PHÙ MỸ	TÂM	X	09/10/2006	7,5	7,0	6,5	9,0	
28	T2400748	NGUYỄN THỊ KIM	TIỀN	X	29/03/2006	8,0	7,0	6,5	7,5	
29	T2400757	LÊ VĂN NHỰT	TÌNH		19/06/2006	9,5	7,0	7,5	9,0	
30	T2400774	NGUYỄN ĐẠT	TỚI		09/04/2006	9,0	8,5	9,5	8,0	
31	T2400779	NGUYỄN TUẤN	TÚ		11/08/2006	9,5	8,5	8,5	9,5	
32	T2400810	LÊ PHƯỚC HOÀI	THANH		18/12/2006	7,5	5,5	8,5	6,5	
33	T2400834	NGUYỄN VĂN	THẬT		11/02/2006	6,0	5,5	6,5	5,0	
34	T2400844	NGUYỄN TRÍ	THIỆN		01/01/2006	3,5	5,5	6,5	7,0	
35	T2400845	PHẠM VŨ	THIỆN		08/04/2006	9,5	6,5	8,5	8,0	
36	T2400862	NGUYỄN SONG	THƠ		15/01/2006	9,5	8,0	6,5	9,0	
37	T2400945	NGUYỄN THỊ BẢO	TRÂN	X	07/03/2006	9,5	8,0	7,5	9,0	
38	T2400974	TRẦN THỊ THANH	TRÚC	X	16/07/2006	9,5	8,0	6,5	6,5	
39	T2401012	TRẦN XUÂN	VĨNH		03/10/2006	7,5	6,5	5,5	6,0	
40	T2401036	LÊ PHÚC	XUÂN		02/10/2006	9,5	7,0	8,0	10,0	
41	T2401052	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	X	12/07/2006	7,5	8,0	5,0	5,5	

HĐTC BỔ SUNG KIẾN THỨC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Nguyễn Minh Trí